TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÝ NHÂN** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2024/HNGĐ-ST
Ngày 14 - 6 -2024
V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ NHÂN, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Thành Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Kiệm và ông Nguyễn Hải Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân tham gia phiên tòa: Ông Phạm Sỹ Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lý Nhân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2024 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Đoàn Văn L, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Thôn C, xã B, huyện L, tỉnh Hà Nam; có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn Q, xã Đ, huyện L, tỉnh Hà Nam; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai của nguyên đơn (anh Đoàn Văn L); bản tự khai, lời khai của bị đơn (chị Nguyễn Thị H) trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn, trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Đoàn Văn L và chị Nguyễn Thị H lấy nhau hoàn toàn tự nguyện, có tìm hiểu, đồng thời được Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Hà Nam chứng nhận kết hôn vào ngày 03/01/2017.

Theo anh Đoàn Văn L: Sau khi kết hôn, vợ chồng anh sống chung cùng nhà với bố mẹ anh là ông Đoàn Văn L1 và bà Phạm Thị S tại thôn C, xã B, huyện L, tỉnh Hà Nam. Quá trình chung sống, vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc được khoảng 18 tháng, đến khi chị H sinh con đầu lòng (cháu T)được

khoảng 06 tháng thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày do không hoà thuận, không hợp nhau về tính cách, trong việc nuôi dậy con cái và mối quan hệ với gia đình chồng, chị H xảy ra va chạm, cãi nhau với mẹ chồng nên mối quan hệ giữa mẹ chồng, nàng dâu không được hoà thuận. Đến giáp Tết Âm lịch năm 2019, chị H không muốn ăn Tết ở nhà chồng nên anh đã chở chị H và con về nhà mẹ đẻ chị H là bà Nguyễn Thị Đ ở thôn Q, xã Đ, huyện L để ăn Tết Âm lịch và sinh sống ở nhà bà Đ. Từ đó cho đến nay, anh vẫn thường xuyên đi lại, thăm chị H và con chung. Năm 2020, vợ chồng còn sinh thêm được 01 con chung là cháu Đoàn Quang M. Đến tháng 9/2023, bố anh là ông Đoàn Văn L1 bị ốm, chết, chị H không về chịu tang bố chồng nên kể từ đó anh không qua lại với chị H nữa, vợ chồng ly thân từ tháng 9/2023 cho đến nay, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, không ai quan tâm đến ai. Nay anh nghĩ tình cảm giữa anh và chị H không còn, đề nghị Toà án giải quyết ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

Ý kiến của chị Nguyễn Thị H: Sau ngày cưới, vợ chồng chị sinh sống, ăn chung cùng nhà với bố mẹ chồng là ông Đoàn Văn L1 và bà Phạm Thị S đến khoảng tháng 03/2017 thì chị chuyển về sinh sống một mình tại thôn Q, xã Đ, huyện L, hàng ngày chị về ăn cơm cùng với mẹ đẻ của mình là bà Nguyễn Thị Đ. Trong thời gian chị sống cùng anh L ở gia đình nhà chồng, vợ chồng chị chung sống không có hạnh phúc, thường xuyên bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi nhau, chị và anh L đã nói chuyện, thống nhất với nhau nếu hai bên không ở được với nhau thì chia tay, sau đó anh L chở chị về nhà mẹ đẻ chị sinh sống, còn anh L sinh sống, ở chung với bố mẹ đẻ anh L thôn C, xã B, huyện L. Khi chị ở riêng một mình và nuôi con, anh L xuyên đến thăm nom chị và con. Đến năm 2020, chị H và anh L sinh thêm con thứ hai là Đoàn Quang M, chị có ý định tách hộ khẩu ra khỏi gia đình nhà chồng để vợ chồng về chung sống với nhau nhưng anh L không đồng ý tách hộ khẩu ra khỏi nhà bố mẹ đẻ anh L nên chị không muốn quay về chung sống với anh L nữa. Kể từ tháng 8/2023 cho đến nay, anh L không lên thăm hỏi con, chơi với con nữa, vợ chồng chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, không ai quan tâm đến ai. Nay anh L đề nghị ly hôn với chị, chị nhất trí ly hôn với anh L.

- *Về con chung:* Anh L và chị H đều xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Đoàn Minh T, sinh ngày 05/11/2017 và cháu Đoàn Quang M, sinh ngày 01/02/2020, hiện nay do chị H đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Nếu vợ chồng ly hôn: Anh L có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu T đề nghị để chị H dưỡng cháu M, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Chị H có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 02 con chung là cháu T và cháu M không đồng ý để anh L nuôi dưỡng cháu T, không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị.

- *Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác:* Anh L và chị H không yêu cầu Toà án giải quyết. Toà án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng không thành.

** Tại phiên toà:*

- Ý kiến của nguyên đơn: Anh Đoàn Văn L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với chị Nguyễn Thị H. Về con chung: Anh L đề nghị giao cháu Đoàn Minh T cho anh nuôi dưỡng, giao cháu Đoàn Quang M cho chị H nuôi dưỡng cho tới khi các cháu đủ 18 tuổi, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Về tài sản, công nợ chung và các vấn đề khác: Anh L không yêu cầu Toà án phải giải quyết.

- Ý kiến của bị đơn: Chị Nguyễn Thị H nhất trí ly hôn với anh Đoàn Văn L.Về con chung: Chị H đề nghị được nuôi dưỡng cả 02 con chung là cháu Đoàn Minh T và cháu Đoàn Quang M cho tới khi các cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Về tài sản, công nợ chung và các vấn đề khác: Chị H không yêu cầu Toà án phải giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân có quan điểm như sau:

Về tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Lý Nhân. Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định theo Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh L chị H. Về con chung: Giao anh L được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đoàn Minh T kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; giao chị H quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đoàn Quang M cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh L và chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Đương sự không yêu cầu nên không phải giải quyết. Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, đủ cơ sở xác định quan hệ pháp luật là *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Đoàn Văn L và chị Nguyễn Thị H là hợp pháp. Sau ngày cưới, vợ chồng đã có một thời gian dài chung sống hạnh phúc và có 02 con chung, sau đó thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Về nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng mỗi người trình bày là khác nhau. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, kéo dài, không thể hàn gắn được nên vợ chồng đã sống ly thân nhau từ đầu tháng 9 năm 2023 đến nay. Thời gian ly thân vợ chồng không quan tâm chăm sóc đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Thực tế cho thấy anh L xin ly hôn thì chị H đã đồng ý ly hôn, càng chứng tỏ anh chị không còn tình cảm và không muốn đoàn tụ với nhau nữa. Xét mục đích hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn giữa anh L và chị H hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh L và chị H đều xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Đoàn Minh T, sinh ngày 05/11/2017 và cháu Đoàn Quang M, sinh ngày 01/02/2020, hiện nay đều do chị H đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Nếu vợ chồng ly hôn: Anh L có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu T đề nghị để chị H nuôi dưỡng cháu M. Chị H có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 02 con chung là cháu T và cháu M, không đồng ý để anh L nuôi dưỡng cháu T.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyện vọng nuôi dưỡng con chung của anh L và chị H là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật. Anh L hiện nay đang là giáo viên của trường Tiểu học xã B, thu nhập bình quân là 10.300.000 đồng/tháng; chị H đang là điều dưỡng của trạm Y tế xã Đ, thu nhập bình quân là 6.000.000 đồng/tháng nên đều đủ kiện để được nuôi dưỡng con chung. Cháu T hiện đang học tại trường Tiểu học xã B, nơi anh L đang công tác, làm việc và có nguyện vọng muốn được sống cùng với anh L; cháu M do chị H đang trực tiếp nuôi dưỡng, đảm bảo mọi điều kiện tốt nhất cho cháu. Chị H không có căn cứ nào để bác quyền nuôi con của anh L. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao con chung của vợ chồng là cháu T cho anh L nuôi dưỡng kể từ tháng 6 năm 2024, giao cháu M cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, cho tới khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với thực tế và điều kiện ăn ở, sinh hoạt, học tập của các cháu hiện nay, phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Anh L và chị H đều không yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ, công sức và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Các đương sự phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; các Điều 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Đoàn Văn L chị Nguyễn Thị H.

2. Về con chung:

- Giao anh Đoàn Văn L quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đoàn Minh T, sinh ngày 05/11/2017 (do chị H đang chăm sóc, nuôi dưỡng) kể từ tháng 6 năm 2024, cho tới khi cháu đủ 18 tuổi.

- Giao chị Nguyễn Thị H quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đoàn Quang M, sinh ngày 01/02/2020 cho tới khi cháu đủ 18 tuổi.

Anh Đoàn Văn L và chị Nguyễn Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Anh Đoàn Văn L và chị Nguyễn Thị H mỗi người phải chịu 75.000 *(Bẩy mươi lăm nghìn)* đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Anh L tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 *(Một trăm năm mươi nghìn)* đồng. Đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh L đã nộp 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng theo biên lai thu số 0000838 ngày 14 tháng 3 năm 2024, anh L được hoàn lại số tiền 150.000 *(Một trăm năm mươi nghìn)* đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Lý Nhân;
- Chi cục THADS huyện Lý Nhân;
- UBND xã B;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Đinh Thành Nam